TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Đỗ Thị Viện

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 08-3-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-5-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Mạnh H, nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L, nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11-01-2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Mạnh H trình bày: Anh và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn ngày 15-3-1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L chơi bời, cờ bạc, nợ nhiều người dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mặc dù anh đã cố gắng khắc phục tình trạng hôn nhân và đã được gia đình 2 bên tác động, khuyên giải nhưng không có kết quả. Anh và chị L đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mâu thuẫn

vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 31-3-2001 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết và Bùi S, sinh ngày 05-10-2006. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung S; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị L trình bày: Chị thống nhất ý kiến với anh H về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, chị cho biết mặc dù anh H không còn tình cảm với chị và đã hơn một năm nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không nói chuyện hay chao đổi bất cứ chuyện gì với nhau nhưng chị nghĩ bản thân vẫn mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 31-3-2001 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết và Bùi S, sinh ngày 31-3-2001. Trong trường hợp anh H kiên quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý nhưng đề nghị được trực tiếp nuôi con S; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L, thể hiện: Do anh chị có mâu thuẫn nên từ năm 2017 đến nay đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nguyên nhân do chị L ham chơi, cờ bạc, lô đề dẫn đến nợ nần nhiều người nên anh chị thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung.

Tại phiên tòa, anh H khai phù hợp như nội dung nêu trên và giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị L vì tình cảm anh dành cho chị đã hết, sống chung chỉ làm khổ nhau; con chung là Bùi Quang T đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết và đề nghị giao con chung Bùi S cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Chị L thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, hiện sống ly thân nhưng chị vẫn muốn anh chị đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, trường hợp anh kiên quyết ly hôn, chị tôn trọng quyết định của anh và đề nghị giao con chung Bùi S cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ vụ của mình theo đúng quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa anh H và chị L rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H được ly hôn chị L. Con chung Bùi Quang T đã đủ 18 tuổi nên không đặt vấn đề giải quyết, giao con chung Bùi S cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, tuyên quyền kháng cáo và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Mạnh H nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Phạm Thị L tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là chị L có nơi cư trú tại tổ dân phố H, phường V, quận Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về viêc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Về hôn nhân:

[2] Anh H và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn ngày 15-3-1999 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Lời khai của anh H, chị L tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, nên từ năm 2017 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn, anh H trình bày do chị L thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc, không có sự tôn trọng đối với anh; chị L trình bày do chị nợ nần nên nhiều lần chủ nợ đến nhà đòi tiền dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hòa. Chị L cũng thừa nhận quan hệ hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại;

hai bên đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng; không còn thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và giúp đỡ nhau.

[4] Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh H, chị L vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng; những bất đồng vẫn không được thu hẹp; anh H vẫn kiên quyết ly hôn chị L với lý do vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, ly thân đã lâu; chị L mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh chị đã nhiều tuổi và có 02 con chung, trường hợp anh H kiên quyết ly hôn chị đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Anh H và chị L đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh H và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

[6] Về con chung: Anh H và chị L có 02 con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 31-3-2001 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết và Bùi S, sinh ngày 05-10-2006. Ly hôn, anh chị đều đề nghị được trực tiếp nuôi con chung S và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Tuy nhiên, chị L hiện đang ở nhờ nhà mẹ đẻ, chưa có nhà riêng, Tòa án đã yêu cầu chị cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có điều kiện về thời gian, thu nhập để nuôi dạy con chung nhưng chị không cung cấp được; anh H có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định hơn chị L. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, cũng như nguyện vọng của cháu S khi bố mẹ ly hôn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung S cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh H và chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh H và chị L có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Mạnh H được ly hôn chị Phạm Thị L.

2. Về con chung:

2.1. Con chung là Bùi Quang T, sinh ngày 31-3-2001 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

2.2. Giao con chung Bùi S, sinh ngày 05-10-2006 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh H, chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi anh H, chị L có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006946 ngày 08-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THA dân sự quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng